

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM ELECTRIACAL EQUIPMENT INSURANCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINA INQUITRICAL.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108310800

**3. Ngày thành lập:** 06/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 12, ngách 8/151 đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913462656

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác                                                                                                                                     | 4322(Chính) |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321        |
| 3.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3320        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện gồm:<br>- Bán buôn đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...                    | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651        |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                            | 4741        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652 |
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759 |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;<br>Thiết kế nội - ngoại thất công trình;<br>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình xây dựng giao thông;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy.<br>Lập quy hoạch xây dựng;;<br>Khảo sát địa hình;<br>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình.<br>Giám sát công trình dân dụng và công nghiệp;<br>Giám sát công trình xây dựng giao thông ( cầu - đường bộ);<br>Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;<br>Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng | 7110 |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7120 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: + Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Đào tạo bồi dưỡng về đầu thầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8560 |
| 14. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy máy tính.                                                                                                     | 8559 |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý<br>- Xúc tiến chuyển giao công nghệ<br>- Dịch vụ tư vấn về đấu thầu;<br>- Dịch vụ đánh giá, định giá công nghệ, giám định công nghệ và tư vấn chuyển giao công nghệ | 7490 |
| 17. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5320 |
| 18. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312 |
| 19. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7820 |
| 20. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7830 |
| 21. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3311 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3313 |
| 24. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9522 |
| 25. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230 |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý ( trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 27. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6201 |
| 28. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6202 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6209 |
| 30. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm ( trừ hoạt động môi giới bảo hiểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6622 |
| 31. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312 |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 35. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>chi tiết:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uốn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,<br>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,                             | 4390 |
| 36. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4220 |
| 37. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224 |
| 38. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,... | 4663 |
| 39. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết:<br>- Đồ ngũ kim;<br>- Sơn, véc ni và sơn bóng;<br>- Kính phẳng;<br>- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;<br>- Thiết bị và vật liệu để tự làm.<br>- Phòng tắm hơi.                                                                           | 4752 |
| 40. | Cho thuê xe có động cơ<br>chi tiết:<br>- Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm);<br>- Cho thuê xe tải, bán rơmooc và xe giải trí.                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 41. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 42. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5621 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; | 5629 |
| 44. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630 |
| 45. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633 |
| 46. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2610 |
| 47. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2620 |
| 48. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2630 |
| 49. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2640 |
| 50. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2651 |
| 51. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2660 |
| 52. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2670 |
| 53. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2710 |
| 54. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2731 |
| 55. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2733 |
| 56. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2740 |
| 57. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2750 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 58. | <p>Sản xuất máy thông dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu;</p> <p>- Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô;</p> <p>- Sản xuất quạt không dùng cho gia đình;</p> <p>- Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như : cân hành lý, cân cầu đường, cân khác...</p> <p>- Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng;</p> <p>- Sản xuất máy đóng gói như : Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn...</p> <p>- Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống;</p> <p>- Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống.</p> <p>- Sản xuất máy đổi nóng;</p> <p>- Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas;</p> <p>- Sản xuất máy cung cấp gas;</p> <p>- Sản xuất máy cán lạng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thủy tinh);</p> <p>- Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo);</p> <p>- Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó;</p> <p>- Sản xuất máy bán hàng tự động;</p> <p>- Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung;</p> <p>- Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái);</p> | 2819 |
| 59. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2817 |
| 60. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2816 |
| 61. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2814 |
| 62. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2812 |
| 63. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác</p> <p>chi tiết:</p> <p>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;</p> <p>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;</p> <p>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;</p> <p>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7730 |
| 64. | <p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>chi tiết:</p> <p>Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4719 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 65. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2592 |
| 66. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>Dịch vụ quản lý bất động sản.<br>Môi giới bất động sản;<br>- Quản lý vận hành nhà chung cư;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; ;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; | 6820 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.680.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN DUY THẮNG | Xóm 4, thôn Yên Vĩnh, Xã Dạ Trạch, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 233.800    | 2.338.000.000         | 35,000    | 145322184                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                        | Tổng số           | 233.800    | 2.338.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN MINH TUẤN | Thôn Thượng Thanh, Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 116.900    | 1.169.000.000         | 17,500    | 111887005                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                        | Tổng số           | 116.900    | 1.169.000.000         | 17,500    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐỖ VĂN SƠN       | Thôn Bãi Thụy, Xã Đồng Tháp, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 200.400    | 2.004.000.000         | 30,000    | 001075017126                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                        | Tổng số           | 200.400    | 2.004.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | ĐỖ VĂN THỊNH     | Số nhà 12, ngách 8/151 đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 116.900    | 1.169.000.000         | 17,500    | 001083029232                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                        | Tổng số           | 116.900    | 1.169.000.000         | 17,500    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

Thời gian đăng từ ngày 06/06/2018 đến ngày 06/07/2018

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ VĂN SƠN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *04/06/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001075017126*

Ngày cấp: *27/12/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Bãi Thụy, Xã Đồng Tháp, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Bãi Thụy, Xã Đồng Tháp, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

\* Họ và tên: **NGUYỄN DUY THẮNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *23/01/1977*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *145322184*

Ngày cấp: *29/07/2004*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hưng Yên*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 4, thôn Yên Vĩnh, Xã Dạ Trạch, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 1, ngõ 85 đường Đức Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*